Người ký: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
Email: Info.viwa@mt.gov.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian ký: 29.11.2023 15:56:34 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2917 /CĐTNĐ-KHCN-HTQT&MT
V/v công khai thông tin môi trường của Công trình nạo vét đảm bảo an toàn giao thông kênh Rạch Cái Côn – Quản Lộ Phụng Hiệp đoạn từ km25+000 đến km 93+500

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- UBND thị trấn Trà Lồng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- UBND các xã, phường: 1, 2, 3, Vinh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;
- UBND các xã, thị trấn: Phước Long, Phong Thạnh Tây A, Phong Thạnh Tây B, Vĩnh Phú Đông, Vĩnh Phú, huyện Phước Long; xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân; xã Phong Thạnh Tây, Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã Lộc Đông, huyện Bình Thới, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã An Xuyên, TP Cà Mau và Xã Tân Lộc Đông, huyện Bình Thới, tỉnh Cà Mau.

Chúng tôi là: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, chủ đầu tư của công trình nạo vét đảm bảo giao thông kênh Rạch Cái Côn – Quản Lộ Phụng Hiệp đoạn từ Km25+000 đến Km 93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3352/QĐ-BTNMT ngày 15/11/2023.

Căn cứ khoản 5 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trân trọng gửi tới các Quý Cơ quan Thông tin môi trường theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nêu trên.

(*Quyết định số 3352/QĐ-BTNMT ngày 15/11/2023 gửi kèm*)

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phòng QLKCHT, KH-TC;
- Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III;
- Các Nhà thầu thi công;
- Tư vấn giám sát;
- Tư vấn quan trắc môi trường;
- Văn phòng Cục (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục);
- Lưu VT, KHCN-HTQT&MT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Lê Minh Đạo

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3352 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Công trình nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+000 đến Km93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)"

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2501/CĐTNĐ-KHCN-HTQT&MT ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Công trình nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+000 đến Km93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Công trình nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+000 đến Km93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)" (sau đây gọi là Dự án) của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Sóc Trăng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang và Sóc Trăng;
- Sở TN&MT các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang và Sóc Trăng;
- Cục QLTNN;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Lưu: VT, VPMC, MT. HH10.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "Công trình nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+000 đến Km93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)"

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Công trình nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+000 đến Km93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp).

- Địa điểm thực hiện dự án: tại tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

- Chủ đầu tư: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: số 5, đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+00 đến Km 93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp), nằm trong kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa năm 2022 (đợt 2) theo Quyết định số 2219/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải.

- Tổng khối lượng nạo vét khoảng 546.918,7 m^3.

- Thời gian thi công dự kiến là 190 ngày (bắt đầu thi công ngày 15/11/2023 và kết thúc thi công ngày 25/5/2024).

Thông số kỹ thuật của các đoạn luồng nạo vét như sau:

STT	Khu vực nạo vét	Khối lượng nạo vét (m^3)	Thông số kỹ thuật chính
1	Từ lý trình Km 25+000 - Km 45+000.	183.772	- Bề rộng đáy luồng thiết kế: 16 - 20 m. - Cao độ đáy nạo vét: - 2,7 m đến - 3,3 m. - Mực nước thiết kế tuần suất 98% (hệ hòn dấu): + 0,3 m đến - 0,3 m.
2	Từ lý trình Km 45+000 - Km 88+080.	306.790,4	
3	Từ lý trình Km88+080 - Km93+500.	56.356,3	
	Tổng khối lượng nạo vét	546.918,7	

Dự án có tổng diện tích sử dụng đất, đất mặt nước 164,2705 ha (trong đó 129,8160 ha đất lòng kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp hiện trạng thuộc địa bàn các tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau và 34,4545 ha sử dụng để làm bãi chứa vật chất nạo vét) thuộc địa phận thị xã Ngã Năm và huyện Tú Mỹ, tỉnh Sóc Trăng; huyện Hồng Dân, huyện Phước Long và thị xã Gia Rái, tỉnh Bạc Liêu; thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau) theo thực tế sử dụng. Các bãi chứa vật chất nạo vét đã được UBND các tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 1478/UBND-KT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Văn bản số 1022/UBND-KT ngày 03 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu và Văn bản số

9007/UBND-XD ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Cà Mau.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ 1: sử dụng tàu hút công suất 585 CV (hoặc loại tương đương) nạo vét và hút phun trực tiếp lên bãi chứa vật chất nạo vét.

- Công nghệ 2: sử dụng máy đào gầu dây 2,3 m^3 (hoặc loại tương đương) đổ vật chất nạo vét lên xà lan vận chuyển đến gần vị trí bãi chứa vật chất nạo vét, bơm vật chất nạo vét từ xà lan lên bãi chứa bằng tàu hút công suất 585 CV.

Trong quá trình nạo vét phối hợp sử dụng cả công nghệ 1 và công nghệ 2 phụ thuộc vào tình hình thực tế và đặc điểm từng đoạn nạo vét một cách linh hoạt.

- Cự li vận chuyển chất nạo vét trung bình là 01 km đến 20 km.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án:

Nạo vét đảm bảo giao thông kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Km25+000 đến Km93+500 kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp) với tổng chiều dài tuyến luồng nạo vét là 68,50 km, cụ thể:

- Từ lý trình Km25+000 - Km45+000: Khu vực nạo vét thuộc các tỉnh: Sóc Trăng, Hậu Giang và Bạc Liêu có khối lượng nạo vét là 183.772 m^3.

- Từ lý trình Km Km 45+000 - Km88+080: Khu vực nạo vét thuộc tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau có khối lượng nạo vét là 306.790,4 m^3.

- Từ lý trình Km88+080- Km93+500: Khu vực nạo vét thuộc tỉnh Cà Mau, có khối lượng nạo vét là 56.356,3 m^3.

1.4.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công

- Tại 13 thiết bị thi công (02 thiết bị hút nạo vét luồng; 04 thiết bị hút phun lên bãi chứa và 07 tàu kéo sà lan chở vật chất nạo vét đến bãi chứa): bố trí tổng cộng 13 thùng rác loại 120 lít trên các thiết bị thi công; 13 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 120 lít; 13 thùng chứa chất thải dạng lỏng 240 lít; 13 phao quây thấm dầu loại 12 m; 13 nhà vệ sinh di động.

- 55 bãi chứa vật chất nạo vét (10 bãi chứa vật chất nạo vét thuộc tỉnh Sóc Trăng; 44 bãi chứa vật chất nạo vét thuộc tỉnh Bạc Liêu và 01 bãi chứa vật chất nạo vét thuộc tỉnh Cà Mau), với tổng diện tích 34,4545 ha, khả năng chứa khoảng 553.589,1 m^3.

Mỗi bãi chứa vật chất nạo vét được thiết kế gồm 2 ngăn, ngăn chứa và ngăn lắng. Xung quanh bãi đắp bờ bao hình thang kết cấu bằng đất khai thác tại chỗ quanh khu vực bãi chứa, chiều rộng đỉnh bờ bao 1,5 m (cao hơn cao trình chứa đất khoảng 0,3 m) mái dốc dốc m =1, mặt phía trong bờ bao có phủ bạt PE chống thấm; ngăn cách giữa khu chứa vật chất nạo vét và khu lắng có đắp bờ ngăn hình thang kết cấu bằng đất khai thác tại chỗ, chiều rộng đỉnh bờ ngăn 1,0 m, mái dốc m = 1,0.

- Nước mưa chảy tràn trên sà lan được thu gom và xử lý tại bể lắng mini trên sà lan có kích thước 0,4 m x 0,6 m x 0,4 m.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số

08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Nạo vét các đoạn kênh làm phát sinh: tiếng ồn, độ rung; chất thải nạo vét, chất thải sinh hoạt; nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn; tác động đến hoạt động giao thông đường thủy, gia tăng độ đục tại các đoạn kênh nạo vét và lân cận; ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh khu vực thi công.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 13,9 m^3/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (SS), BOD_5, COD, tổng Nitơ, tổng Photpho, dầu mỡ, Coliforms.

+ Nước dằn tàu: tổng lượng nước dằn tàu phát sinh khoảng 15,5 m^3/ngày.đêm/sà lan.

+ Nước thải rò rỉ từ các bãi chứa phát sinh lớn nhất là 407,8 m^3/ngày.đêm, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS).

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh nước thải.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị thi công có sử dụng nhiên liệu dầu DO trong suốt thời gian thi công nạo vét, bơm hút và vận chuyển vật chất nạo vét đến bãi chứa. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSP, SO_2, NO_2, CO.

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh bụi, khí thải.

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 69,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

+ Chất thải rắn nạo vét tại tuyến kênh: tổng khối lượng phát sinh khoảng 546.918,7 m^3.

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh chất thải rắn.

3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công: khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 231,0 lít chất thải nguy hại dạng lỏng và khoảng 6,6 kg chất thải nguy hại dạng rắn.

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh chất thải nguy hại.

3.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công: tiếng ồn, độ rung từ thiết bị thi công nạo vét vật chất nạo vét và thiết bị vận chuyển vật chất nạo vét, bơm hút lên bãi chứa.

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.6. Quy mô, tính chất của các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công:

+ Tác động đến chất lượng nước mặt, độ đục kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp trong quá trình nạo vét.

+ Tác động tới hoạt động giao thông thủy khu vực trong giai đoạn thi công.

+ Tác động đến tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái và hoạt động lấy nước của các hộ nuôi trồng thủy sản phía trong bờ dọc hai bên tuyến luồng nạo vét.

+ Các sự cố trong quá trình nạo vét: cháy nổ, tràn dầu, xói mòn, trượt lở đất.

+ Tác động gây mùi từ các bãi thải.

+ Sự cố sụt lún, xói lở đường bờ do ảnh hưởng hoạt động nạo vét.

- Trong giai đoạn vận hành:

Không phát sinh các tác động tiêu cực đến môi trường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn thi công

- Khu vực sà lan phục vụ thi công: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tự hoại hai ngăn trên mỗi tàu hút phun và tàu kéo sà lan (có 02 thiết bị hút nạo vét luồng; 04 thiết bị hút phun lên bãi chứa và 07 tàu kéo sà lan chở vật chất nạo vét đến bãi chứa), kích thước: 260 cm x 270 cm x 135 cm nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ với bồn phân 1.500 lít và bồn nước 1.050 lít. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải, bùn thải từ nhà vệ sinh di động theo đúng quy định.

- Nước bùn thải sau quá trình nạo vét:

+ Nước rò rỉ từ vật chất nạo vét: Mỗi bãi đổ vật chất nạo vét được thiết kế gồm 2 ngăn, ngăn chứa và ngăn lắng. Xung quanh bãi đắp bờ bao hình thang kết cấu bằng đất khai thác tại chỗ quanh khu vực bãi chứa, chiều rộng đỉnh bờ bao 1,5 m mái dốc dốc m = 1, mặt phía trong bờ bao có phủ bạt PE chống thấm; ngăn cách giữa khu chứa vật chất nạo vét và khu lắng có đắp bờ ngăn hình thang kết cấu bằng đất khai thác tại chỗ, chiều rộng đỉnh bờ ngăn 1,0 m, mái dốc m = 1, mặt phía ngoài có phủ bạt PE. Nước rỉ sau khi được lắng được thoát ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn: khơi thông hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh khu vực bãi chứa vật chất nạo vét với tần suất 1 tuần/lần; dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ dự án giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom tại nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; toàn bộ nước rò rỉ phát sinh từ các bãi chứa vật chất nạo vét được thu gom và xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Không phát sinh nước thải.

4.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường, tàu thuyền chuyên chở vật chất nạo vét phải đạt quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không để rơi vãi vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào khu vực thi công phù hợp, tránh xung đột, va chạm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân tại công trường thi công.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ dự án giám sát, quản lý chặt chẽ các hoạt động thi công, thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường. Tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Không phát sinh bụi, khí thải.

4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 01 thùng chứa 120 lít có nắp đậy tại mỗi thiết bị hút nạo vét luồng, tàu hút phun và tàu kéo sà lan (có 02 thiết bị hút nạo vét luồng; 04 thiết bị hút phun lên bãi chứa và 07 tàu kéo sà lan chở vật chất nạo vét đến bãi chứa) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Vật chất nạo vét và vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển được thu gom và vận chuyển đến 55 bãi chứa vật chất nạo vét, với diện tích khoảng 34,4545 ha, sức chứa 553.589,1 m^3 đảm bảo chứa hết 546.918,7 m^3 khối lượng chất nạo vét, cụ thể:

+ Tại tỉnh Sóc Trăng có 10 (mười) bãi chứa vật chất nạo vét, diện tích 11,5782 ha (07 bãi chứa, diện tích 9,0952 ha tại thị xã Ngã Năm và 03 bãi chứa, diện tích 2,4830 ha tại huyện Mỹ Tú).

+ Tại tỉnh Bạc Liêu có 44 (bốn mươi bốn) bãi chứa vật chất nạo vét, diện tích 19,8305 ha (09 bãi thải, diện tích 4,7078 ha thuộc huyện Hồng Dân; 34 bãi chứa, diện tích 14,5227 ha thuộc huyện Phước Long và 01 bãi chứa, diện tích 0,6 ha thuộc thị xã Gia Rái).

+ Tại tỉnh Cà Mau có 01 (một) bãi chứa vật chất nạo vét, diện tích 3,0458 ha thuộc xã An Xuyên, thành phố Cà Mau.

- Tiến hành lắp các biển cảnh báo khu vực bãi chứa vật chất nạo vét để người dân được biết.

- Tại mỗi bãi chứa tiến hành đắp đất bao xung quanh để ngăn vật chất nạo vét rò rỉ ra ngoài với chiều rộng đỉnh bờ bao 1,5 m mái dốc dốc m = 1, đỉnh bờ cao hơn cao trình chứa đất khoảng 0,3 m, mặt phía trong bờ bao có phủ bạt PE chống thấm.

- Tạm dừng quá trình thi công nạo vét khi mưa lớn hoặc bất kì trường hợp khẩn cấp nào.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải

vật chất nạo vét đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo việc tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường tại các vị trí bãi chứa vật chất nạo vét.

- Chỉ đổ vật chất nạo vét phát sinh trong quá trình thi công vào bãi chứa vật chất nạo vét sau khi bãi chứa đã được thi công theo thiết kế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi chứa nhằm phòng chống cuốn trôi, sạt lở vật chất nạo vét bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Vật chất nạo vét phải được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường. Tuân thủ đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Trong giai đoạn vận hành

Không phát sinh chất thải rắn thông thường.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công:

- Chất thải nguy hại được phân thành từng loại riêng, không để lẫn với chất thải thông thường.

- Trên mỗi thiết bị hút nạo vét luồng, tàu hút phun và tàu kéo sà lan (có 02 thiết bị hút nạo vét luồng; 04 thiết bị hút phun lên bãi chứa và 07 tàu kéo sà lan chở vật chất nạo vét đến bãi chứa), bố trí mỗi thiết bị 01 thùng loại 120 lít chứa chất thải nguy hại dạng lỏng và 01 thùng loại 120 lít để thu gom và chứa chất thải nguy hại dạng rắn.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Vị trí lưu giữ có mái che, đảm bảo vệ sinh môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Không phát sinh chất thải nguy hại.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn và độ rung thấp; không thi công trong khoảng thời gian từ 18h - 6h giờ sáng

hôm sau.

- Phương tiện vận chuyển không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc, phương tiện thi công có tiếng ồn, độ rung cao.

- Bảo dưỡng các thiết bị trong tình trạng vận hành tốt nhất và hạn chế thấp nhất tiếng ồn.

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị quá cũ, quá thời gian đăng kiểm hoặc không được cấp phép.

- Không được kéo còi khi đi qua khu vực đông dân cư.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giảm thiểu tác động đến giao thông thủy:

- Tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy nội địa; không chuyên chở quá tải trọng cho phép; không vận hành quá tốc độ cho phép; trang bị các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng, phao cứu sinh. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát, đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình.

- Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông thủy cho các phương tiện qua lại khu vực thi công đảm bảo an toàn.

- Lập phương án phân luồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép trước khi tiến hành nạo vét.

- Tiến hành thả phao, cắm biển báo theo như phương án an toàn giao thông đã được phê duyệt. Yêu cầu và giám sát các nhà thầu chấp hành đúng, đầy đủ những quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa.

- Phối hợp với cơ quan quản lý đường sông và các cơ quan liên quan để khắc phục sự cố về an toàn giao thông.

b) Giảm thiểu tác động đến chất lượng nước nước mặt, độ đục trong quá trình nạo vét:

- Tuân thủ đúng độ sâu nạo vét theo thiết kế.

- Sử dụng các thiết bị nạo vét chuyên dụng.

- Nạo vét trong thời gian sông có tốc độ dòng nhỏ và ngừng thi công khi tốc độ dòng quá lớn.

- Các khu vực bãi chứa vật chất nạo vét được bố trí các hố lắng để xử lý nước rò rỉ từ vật chất nạo vét trước khi xả ra môi trường.

- Thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thi công theo đúng quy định.

- Gầu ngoạm của máy đào gầu dây sẽ được bố trí gần với vị trí của sà lan nhằm giảm thiểu góc quay của gầu ngoạm. Khi đưa vật chất nạo vét lên sà lan không được phép chất quá đầy.

- Bố trí cán bộ giám sát môi trường trong giai đoạn thi công dự án.

- Giám sát môi trường nước mặt trong giai đoạn thi công để có các biện

pháp xử lý kịp thời.

c) Giảm thiểu tác động tới tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái:

- Giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho cán bộ, công nhân viên của Dự án.

- Quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực thực hiện nạo vét của dự án trong thời gian thi công (dự kiến 190 ngày) với tuần suất 01 tháng/lần để có các biện pháp xử lý tránh gây ảnh hưởng tới động, thực vật sinh sống phía hạ lưu.

- Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến để giảm thiểu đến mức thấp nhất việc làm ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài động vật đáy và giảm lượng chất rắn lơ lửng trong nguồn nước.

- Thực hiện các nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải bẩn xuống sông, kênh.

d) Giảm thiểu tác động đối với khu vực người dân nuôi trồng thủy hải sản:

- Quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tại các khu vực thực hiện nạo vét của dự án và chất lượng nước thoát từ bãi chứa vật chất nạo vét trong thời gian thi công (dự kiến 190 ngày) với tuần suất 01 tháng/lần.

- Trong trường hợp người dân trong khu vực bán kính 2 km có lấy nước cho hoạt động nuôi trồng thủy sản thì không tiến hành thi công nạo vét vào lúc đỉnh triều.

- Bố trí tổ chức thi công vào các khoảng thời gian giữa tháng và cuối tháng âm lịch để người dân có thời gian lấy được nguồn nước tốt cho nuôi trồng thủy sản.

- Tận dụng thời điểm triều thấp để nạo vét nhằm để hạn chế phát tán bùn cát ra nơi khác và khi triều cao thì vận chuyển vật liệu, thiết bị thi công.

- Tạm dừng tất cả các hoạt động thi công khi mưa lớn hoặc có sự cố môi trường ảnh hưởng đến các hộ dân nuôi trồng thủy sản.

đ) Giảm thiểu tác động gây mùi từ các bãi chứa:

- Ghi nhật ký thời tiết, hướng gió trong thời gian thi công đổ chất nạo vét.

- Theo dõi các phản ánh của người dân về mùi xung quanh khu vực bãi chứa trong suốt quá trình thi công; che chắn bãi thải bằng vải địa kỹ thuật theo hướng gió, sử dụng vôi bột rắc lên bề mặt bãi chứa chất nạo vét để hạn chế mùi.

e) Giảm thiểu sự cố xói lở đường bờ do ảnh hưởng hoạt động nạo vét:

- Cử cán bộ theo dõi xói lở hàng ngày trong giai đoạn thi công.

- Thi công đảm bảo mái dốc đúng theo thiết kế để đảm bảo ổn định tuyến luồng.

- Thi công đúng tuyến đã được xác định.

- Trong quá trình thi công nếu xuất hiện tượng hoặc nguy cơ xói lở, đơn vị thi công phải tạm dừng thi công để xem xét đánh giá mức độ ảnh hưởng và có biện pháp xử lý phù hợp và đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau xem xét, quyết

định phương án xử lý bảo đảm giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ, phòng chống xói lở lòng dẫn, bờ, bãi sông và phải có các biện pháp hạn chế tác động xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để ngăn chặn sử dụng đất, vật chất nạo vét trái phép dọc theo các tuyến kênh.

- Lắp biển cảnh báo và thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ sạt lở.

g) Biện pháp giảm thiểu tác động giai đoạn kết thúc thi công

- Kết thúc quá trình nạo vét, Chủ dự án có trách nhiệm thanh thải mọi chướng ngại vật, di chuyển các thiết bị, máy móc thi công, phao dấu, biển báo ra khỏi khu vực theo đúng quy định, đảm bảo an toàn hoạt động giao thông thủy khu vực.

- Chủ dự án giám sát Nhà thầu thực hiện công tác bảo hành, bảo trì công trình theo đúng quy định của pháp luật.

- Đơn vị quản lý vận hành tuân thủ các biện pháp giảm thiểu môi trường hàng năm và giám sát theo đúng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

4.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tiến hành xây dựng đê bao xung quanh bãi chứa vật chất nạo vét, chống thấm cho các bãi chứa để phòng chống sạt lở gây ảnh hưởng ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh.

- Trường hợp xảy ra sự cố tràn vật chất nạo vét và nước từ bãi chứa vật chất nạo vét ra môi trường xung quanh, đội thi công phải thực hiện biện pháp ứng phó sự cố và làm việc với địa phương để đền bù các thiệt hại xảy ra.

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn đường thủy nội địa.

- Phương tiện thủy tham gia thi công phải có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu. Bố trí 01 vòng thu gom hút dầu mỡ trên mỗi tàu hút phun và tàu kéo sà lan (có 02 thiết bị hút nạo vét luồng; 04 thiết bị hút phun lên bãi chứa và 07 tàu kéo sà lan chở vật chất nạo vét đến bãi chứa).

- Thỏa thuận với đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn trước khi thi công công trình để phối hợp xử lý khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Đóng các cửa cống trên ranh khu vực xảy ra sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư trong giai đoạn thi công

a) *Giám sát chất lượng nước thoát từ bãi chứa vật chất nạo vét:*

- Thông số: pH, TSS.

- Vị trí quan trắc: tại cửa xả của các bãi chứa vật chất nạo vét.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần trong thời gian thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 2, mức B).

b) Giám sát chất lượng môi trường nước mặt:

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD_5, COD, NO_3^- (tính theo N), NO_2^-,

PO_4^{3-}, tổng dầu mỡ, E.coli, Colifom.

- Vị trí quan trắc: 04 vị trí dọc tuyến kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp đoạn thi công nạo vét (01 vị trí tại Km44+500 (khu vực thuộc tỉnh Sóc Trăng); 01 vị trí tại Km54+500 (khu vực thuộc tỉnh Bạc Liêu); 01 vị trí tại Km74+500 (khu vực thuộc tỉnh Bạc Liêu); 01 vị trí tại Km93+500 (khu vực thuộc tỉnh Cà Mau)).

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần (trong thời gian thi công).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 2, mức B).

c) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

d) Giám sát sạt lở, hư hỏng các công trình dọc hai bên tuyến luồng

- Nội dung giám sát: Quan sát tình trạng đường bờ, các công trình hai bên tuyến luồng trước khi thi công và trong suốt quá trình thi công; chụp ảnh những vị trí tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, hư hỏng công trình và các biến động, thay đổi bất thường của đường bờ, công trình dọc hai bên tuyến luồng.

- Vị trí giám sát: Hai bên bờ kênh đoạn tuyến nạo vét.

- Tần suất: thường xuyên trong suốt quá trình chuẩn bị thi công và thi công nạo vét; khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường của Dự án và thiết kế các công trình nêu trên phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu độ đục, tiếng ồn, độ rung. Đảm bảo chất lượng nước mặt, chống sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, rà soát vị trí các bãi chứa

vật chất nạo vét đảm bảo phù hợp với các vị trí đã được chấp thuận trước khi thi công; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công các bãi chứa vật chất nạo vét của Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của các hoạt động nạo vét, vận chuyển, đổ thải tới môi trường và sinh kế của người dân trong khu vực Dự án; khắc phục và bồi thường thiệt hại trong trường hợp hoạt động nạo vét của Dự án gây thiệt hại cho các hộ dân nuôi trồng thủy sản trong khu vực và thiệt hại tới cảnh quan, môi trường.

- Nạo vét đúng địa điểm, diện tích, độ sâu, chuẩn tắc thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế được phê duyệt; phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch nạo vét phù hợp và phương án điều tiết đảm bảo an toàn đường thủy qua khu vực theo đúng quy định của pháp luật; có phương án phòng ngừa, ứng cứu các sự cố, tai nạn giao thông trong quá trình triển khai Dự án; bảo đảm không nạo vét vượt quá chuẩn tắc thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét của Dự án thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trong thời gian nạo vét, theo dõi, giám sát các hiện tượng bồi lắng, xói lở trong trường hợp phát hiện sự cố xói lở bất thường, phải dừng ngay việc nạo vét và báo cáo cơ quan có chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý đảm bảo giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường, các công trình ven bờ và luồng giao thông của khu vực.

- Có các hình thức thông báo đến các chủ tàu thuyền, các tổ chức có liên quan trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa tác động xấu đối với đời sống và sinh kế của dân cư trong khu vực.

- Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các phương tiện thi công; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét theo đúng quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 11 năm 2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch nạo vét phù hợp và phương án điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy theo đúng quy định của pháp luật; có phương án phòng ngừa, ứng cứu các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy trong quá trình triển khai Dự án.

- Lắp đặt hệ thống phao tiêu, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng Dự án.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, an toàn giao thông đường thủy, quản lý đường thủy nội địa; theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố, sạt lở tại khu vực dự án trong quá trình thi công nạo vét.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về thủy lợi, bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước; khoáng sản; xây dựng; đất đai; bảo tồn đa dạng sinh học; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.